

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST

Ngày: 31 - 7 - 2025

“V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 211/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 356/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trần Văn N, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Bị đơn: ông Nguyễn Phúc D, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Việt H, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn N trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 16/02/2023 ông Trần Văn N có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, hiện nay là xã H, tỉnh Tây Ninh để thế chấp tại Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện Đ - Phòng G vay số tiền là 900.000.000 đồng cho ông Nguyễn Phúc Dương M với thời hạn là 01 năm vì vậy toàn bộ số tiền vay

ngân hàng được giải ngân chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Phúc D nhưng sau đó ông Trần Văn N đã cho ông D 200.000.000 đồng để trả Ngân hàng, vì vậy số tiền còn lại là 700.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán, ông N phải trả tiền ngân hàng để tắt toán khoản nợ, ông N đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Phúc D trả tiền vay và tiền lãi cho ông N nhưng ông D không đồng ý.

Sự việc nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn N vì vậy ông Trần Văn N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh buộc ông Nguyễn Phúc D có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn N số tiền vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định, yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn là ông Nguyễn Phúc D trình bày ý kiến:

Ông Nguyễn Phúc D thống nhất trình bày của ông Trần Văn N về việc ông Trần Văn N có vay tiền tại Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện Đ - Phòng giao dịch Đ số tiền vay là 900.000.000 đồng nhưng được giải ngân vào tài khoản của ông D, ông D thừa nhận đã nhận tiền vào tài khoản nhưng đó là tiền ông N cho vợ chồng ông D vì ông D là con rể của ông N là chồng của bà Trần Thị Việt H (hiện nay đã ly hôn) vì vậy ông Nguyễn Phúc D không đồng ý toàn bộ với yêu cầu khởi kiện của ông N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Việt H trình bày: bà H thống nhất trình bày của ông Trần Văn N vì trong thời gian ông N vay tiền tại Ngân hàng N1 – chi nhánh huyện Đ - Phòng G vay lần đầu vay có 400.000.000 đồng thì bà H biết nhưng khi làm hồ sơ đáo hạn ông N vay 900.000.000 đồng và chuyển khoản vào tài khoản của ông D thì bà H không biết, bà H và ông D ly hôn vào tháng 12 năm 2023, số tiền ông D nhận từ khoản vay của ông N bà H hoàn toàn không biết vì lúc đó bà H sinh con, ông D không đem tiền về cho gia đình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với ông Nguyễn Phúc D với khoản vay 700.000.000 đồng và tiền phát sinh theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày vi phạm thỏa thuận ngày 16/02/2024 đến ngày xét xử là 01 năm 05 tháng 15 ngày với số tiền là 101.675.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn ông Trần Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phúc D phải trả cho ông số tiền 700.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi phát sinh theo quy định. Bị đơn ông Nguyễn Phúc D có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về phạm vi giải quyết: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Phúc D phải trả số tiền gốc và lãi vay, bị đơn ông Nguyễn Phúc D không nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem giải quyết trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thấy rằng:

[3.1] Các đương sự thống nhất hợp đồng tín dụng số: 6612LAV202300287 với mã khách hàng là 6612 – 073941380 số tiền giải ngân vào tài khoản của ông Nguyễn Phúc D, ông D thừa nhận đã nhận số tiền vay. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với khoản vay số tiền 700.000.000 đồng, thấy rằng:

Căn cứ vào sự thừa nhận của ông Nguyễn Phúc D xác định số tiền ông Trần Văn N vay do ông Nguyễn Phúc D nhận tuy nhiên ông D trình bày đã đưa lại cho ông N nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông. Ông Trần Văn N đã trả khoản vay trên cho ngân hàng để tắt toán nợ, ông D chưa trả lại khoản tiền nêu trên cho ông N vì vậy ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và hiện còn nợ nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả” ông Trần Văn N cho ông Nguyễn Phúc D vay 01 năm nhưng không thỏa thuận về lãi suất nên ông D sẽ phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày vi phạm thỏa thuận ngày 16/02/2024 đến ngày xét xử là 01 năm 05 tháng 15 ngày với số tiền là 101.675.000 đồng.

[4] Cần áp dụng quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[5] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Phúc D có nghĩa vụ trả cho Trần Văn N 801.675.000 đồng nên phải chịu 36.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N đối với ông Nguyễn Phúc D về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Phúc D có nghĩa vụ trả cho Trần Văn N số tiền 801.675.000 đồng (tám trăm lẻ một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong đó tiền vay là 700.000.000 đồng và 101.675.000 đồng tiền lãi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Phúc D có nghĩa vụ chịu 36.050.000 đồng (ba mươi sáu triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N không phải chịu tiền án phí. H1 lại cho ông N 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0010191 ngày 05/3/2028 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Vụ